

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07-12-2017
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tân

Bà Đặng Thị Kim Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa : Ông Lê Quang Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/11/2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 01/2017/QĐST-HPT ngày 27/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Quỳnh Y, sinh năm: 1975.

Bị đơn: Ông Đặng Thanh H, sinh năm: 1967.

Cùng trú tại: Tổ 02, ấp Địa Hạt, xã H, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Quỳnh Y trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông H sau thời gian tìm hiểu đã đi đến quyết định chung sống với nhau từ năm 1997, có đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã H, huyện Bình Long (cũ) nay là huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 20 năm thì ông H thường xuyên đánh đập, chửi bới bà Y khoảng 2 năm nay. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà Phan Quỳnh Y yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Thanh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Đặng Hoài N, sinh năm 1997, Đặng Phan Quỳnh N, sinh năm 1999 và Đặng Phan Quỳnh T, sinh năm 2013. Khi ly hôn bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung chưa thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai con chung

là Đặng Hoài N và Đặng Phan Quỳnh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung vợ chồng có một số tài sản chung, tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ bà Y cung cấp là bản chính giấy chứng nhận kết hôn, 03 bản sao giấy khai sinh của con chung và đơn xác nhận nơi cư trú của ông Đặng Thanh H.

Tại phiên Tòa, bà Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Tại phiên Tòa bị đơn vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2017 ông Đặng Thanh H trình bày:

Ông H và bà Y chung sống với nhau từ năm 1997 và đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND xã H, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước như lời trình bày của bà Y là đúng. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, bà Y thường vay nợ bên ngoài chi tiêu riêng và cờ bạc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2016 đến nay. Trước yêu cầu ly hôn của bà Y thì ông H không đồng ý ly hôn vì nghĩ tới tương lai của các con mặc dù vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Ông H và bà Y có 03 con chung tên là Đặng Hoài N, sinh năm 1997, Đặng Phan Quỳnh N, sinh năm 1999 và Đặng Phan Quỳnh T, sinh năm 2013. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Y thì ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Phan Quỳnh T, không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai con chung Đặng Hoài N và Đặng Phan Quỳnh N đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: vợ chồng có nợ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh B, tỉnh Bình Phước số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Trường hợp ly hôn ông H chấp nhận trả hết khoản nợ đối với ngân hàng, không yêu cầu bà Y cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn thụ lý đơn còn chậm thời gian theo quy định, có thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ, tranh luận tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà Phan Quỳnh Y được ly hôn với ông Đặng Thanh H, về con chung giao con chung tên Đặng Phan Quỳnh T, sinh năm 2013 cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản các đương sự tự thỏa thuận nên đề nghị không xem xét, về nợ chung các đương sự tự thỏa thuận, phía Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện H nên Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia giải quyết vụ án, bảo vệ quyền và nghĩa vụ của ông H nhưng ông H vắng mặt không tham gia. Tại phiên Tòa ngày hôm nay ông H vắng mặt lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định theo khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Phan Quỳnh Y và ông Đặng Thanh H là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bình Long (cũ) nay là huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2000 (Bl 03). Bà Y cho rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên bà Y yêu cầu ly hôn với ông H. Ông Đặng Thanh H không đồng ý ly hôn vì mục đích chăm sóc cho con cái. Tuy nhiên, ông H lại thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn (BL 24). Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa các đương sự là không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn của bà Y là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng ông H, bà Y có 03 con chung. Khi ly hôn đối với 02 con chung là Đặng Hoài N và Đặng Phan Quỳnh N đã trưởng thành, và các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con chung Đặng Phan Quỳnh T – sinh năm 2013, mặc dù ông H và bà Y đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhi nhưng Hội đồng xét xử xét thấy, ngoài lời trình bày yêu cầu được nuôi dưỡng con chung thì ông H thường xuyên vắng mặt tại các phiên hòa giải, cung cấp chứng cứ để chứng minh, phiên họp công khai chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của bà Y và đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao cháu Đặng Phan Quỳnh T cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do bà Phan Quỳnh Y tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu Nhi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh B, tỉnh Bình Phước 300.000.000đ, do Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số nợ này và các đương sự cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết (BL 39).

[3] Tại phiên Tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, bà Phan Quỳnh Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Quỳnh Y và ông Đặng Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 25/12/2000 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước hết giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Đặng Phan Quỳnh T, sinh năm 2013 cho bà Phan Quỳnh Y được trực tiếp nuôi dưỡng, bà Phan Quỳnh Y không yêu cầu ông Đặng Thanh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai con chung Đặng Hoài N và Đặng Phan Quỳnh N đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Quỳnh Y phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà Y đã nộp theo biên lai thu số 0012096 ngày 04/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hồng